

Bản án số: 59/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15-8-2024

V/v: Không công nhận quan hệ cha con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trác.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Trọng Thanh

2. Bà Trần Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Giang - Kiểm sát viên

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp “Tuyên bố không công nhận quan hệ cha con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2024/QĐXX-ST ngày 25 tháng 7 năm 2024; giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Chị Lưu Thị L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình

* **Bị đơn:** Anh Lưu Văn T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T, xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị L, anh T đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lưu Thị L trình bày:

Chị và anh T kết hôn ngày 03/01/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nên đến tháng 3/2018 vợ chồng ly thân, không còn chung sống và quan hệ vợ chồng. Tháng 01/2024, chị và anh T được Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà giải quyết được ly hôn. Trong quá trình là vợ chồng; chị và anh T có hai con chung là Lưu Văn T1, sinh năm 2001 và Lưu Mạnh N, sinh ngày 11/7/2010. Ngày 31/10/2020, chị sinh con có tên thường gọi là Lưu Trọng N1 (vì chưa đăng ký khai sinh); chị xác định thời điểm chị có thai cháu N1 thì vợ chồng hoàn toàn ly thân, không còn quan hệ vợ chồng. Chị cho rằng, cháu N1 và anh T không có quan hệ huyết thống, tức là cháu N1 không phải là con đẻ của chị cùng với anh T. Nên, chị

đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ cha – con giữa anh Lưu Văn T và cháu Lưu Trọng N1, sinh ngày 31/10/2020.

Tại biên bản ghi lời khai và tại phiên tòa, bị đơn là anh Lưu Văn T trình bày:

Anh và chị L kết hôn ngày 03/01/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nên đến tháng 3/2018 vợ chồng ly thân, không còn chung sống và quan hệ vợ chồng. Tháng 01/2024, anh và chị L được Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà giải quyết được ly hôn. Trong quá trình là vợ chồng; anh và chị L có hai con chung là Lưu Văn T1, sinh năm 2001 và Lưu Mạnh N, sinh ngày 11/7/2010. Ngày 31/10/2020, chị L sinh con có tên thường gọi là Lưu Trọng N1 (vì chưa đăng ký khai sinh); anh xác định thời điểm chị L có thai cháu N1 thì vợ chồng hoàn toàn ly thân, không còn quan hệ vợ chồng. Anh cho rằng, cháu Lưu Trọng N1 và anh không có quan hệ huyết thống, tức là cháu không phải là con đẻ của anh cùng với chị L là hoàn toàn đúng. Anh đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ cha – con, giữa anh và cháu Lưu Trọng N1, sinh ngày 31/10/2020, anh hoàn toàn nhất trí yêu cầu của chị L, không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận cháu Lưu Trọng N1, sinh ngày 31/10/2020 là con đẻ của anh Lưu Văn T.

2. Về án phí: Chị Lưu Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị L thì thấy đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình “*Tuyên bố không công nhận quan hệ cha - con*” thuộc là thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà theo khoản 8 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.1] Chị L, anh T đều có mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Chị L và anh T kết hôn ngày 03/01/2001, có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện H, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nên đến tháng 3/2018 ly thân, không còn chung sống và quan hệ vợ chồng. Tháng 01/2024, anh chị được Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà giải quyết ly hôn. Trong quá trình là vợ chồng; anh và chị L có hai con chung là Lưu Văn T1, sinh năm 2001 và Lưu Mạnh N, sinh ngày 11/7/2010. Ngày 31/10/2020, chị L sinh cháu Lưu Trọng N1. Thời điểm chị L có thai cháu Lưu Trọng N1 thì anh chị hoàn toàn ly thân, không còn quan hệ vợ chồng. Điều này chị L, anh T đều thừa nhận. Chị L đã đề nghị Tòa án trung cầu giám định ADN của anh Lưu Văn T và cháu Lưu Trọng N1. Tại Phiếu kết quả phân tích ADN ngày 24/5/2024 của Hội đồng khoa học Công ty cổ phần D kết luận: Gen ADN của anh Lưu Văn T và cháu Lưu Trọng N1 không có quan hệ huyết thống cha - con cùng nhau. Do đó, chị Lưu Thị L yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận cháu Lưu Trọng N1, sinh ngày 31/10/2020 là con đẻ của anh Lưu Văn T là có căn cứ theo khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về án phí: Chị Lưu Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[4]. Về chi phí giám định: Chị L đã tự chi trả trong quá trình giám định, không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 88, khoản 2 Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14/30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận cháu Lưu Trọng N1, sinh ngày 31/10/2020 là con đẻ của anh Lưu Văn T.

2. Về án phí: Chị Lưu Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hưng Hà theo biên lai số: 0003714 ngày 16/4/2024 (chị L đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm).

3. Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã K, huyện H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Trác

